

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁN BỘ NÔNG LÂM NGHIỆP CỦA TỈNH TUYÊN QUANG NHẪM ĐỊNH HƯỚNG CHO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO TRONG GIAI ĐOẠN 2008-2015

Nguyễn Duy Hoan (*Trung tâm học liệu - ĐH Thái Nguyên*)-

Nguyễn Hữu Thọ (*Trường ĐH Nông lâm - ĐH Thái Nguyên*)

1. Đặt vấn đề

Trong nền kinh tế hội nhập, nguồn lực con người, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao vừa là động lực tăng năng suất lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp và của toàn bộ nền kinh tế, vừa là yếu tố quyết định tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững ([1]; [9]). Trong những năm qua, do chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo với các địa phương sử dụng cán bộ do các trường đào tạo ra [5], nên đã nảy sinh nhiều vấn đề đáng lo ngại như:

Tình trạng sinh viên nông lâm nghiệp ra trường không có việc làm hoặc làm trái nghề phổ biến ở nhiều nơi, do các trường thiếu thông tin về nhu cầu thực tiễn và mất cân đối ngành nghề tại các trường (ngành thực tế còn thiếu nhiều, không đào tạo hoặc đào tạo ít, ngành không cần thì đào tạo nhiều) gây nên tình trạng lãng phí trong đào tạo nguồn nhân lực [3].

Vấn đề mở ngành học mới của các trường phần lớn là do cảm tính chứ chưa có khảo sát cụ thể nhu cầu thực tế [6]. Nhiều trường xây dựng chương trình đào tạo chưa dựa trên kết quả khảo sát thị trường lao động, phân tích nhu cầu đào tạo và tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp; chưa chú trọng đến ý kiến của các nhà tuyển dụng và doanh nghiệp [2]. Vấn đề phân chỉ tiêu cho các trường nông lâm nghiệp (NLN) của Bộ GD&ĐT hàng năm cũng chưa thực sự có căn cứ khoa học và thực tiễn.

Xuất phát từ những bất cập trên, bài viết này đề cập đến kết quả **“Đánh giá thực trạng cán bộ nông lâm nghiệp của tỉnh Tuyên Quang nhằm định hướng cho công tác đào tạo trong giai đoạn 2008-2015”**.

2. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Các sở, ban, ngành có sử dụng nhiều cán bộ NLN và quản lý số liệu về cán bộ NLN như: Sở Nội vụ, sở NN và PTNT, sở Khoa học và Công nghệ, sở Tài nguyên – Môi trường, cục Thống kê.

- Một số đơn vị NLN như: Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm giống cây trồng, Chi cục Thú Y, Chi cục Lâm Nghiệp, Công ty Vật tư Nông nghiệp,..

- Cán bộ quản lý NLN các cấp; cán bộ kỹ thuật NLN đang công tác; một số trang trại, hộ nông dân.

2.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

- Chỉ tiêu: Cơ cấu ngành nghề cán bộ NLN hiện đang làm việc tại tỉnh. Sử dụng số liệu của Cục Thống kê tỉnh kết hợp với số liệu của Sở Nội vụ và Sở NN – PTNT.

- Chỉ tiêu: Mức độ tham gia vào các vị trí quản lý của cán bộ NLN. Sử dụng số liệu của Sở Nội vụ tỉnh.

- Chỉ tiêu: Nguồn đào tạo, trình độ đào tạo, thành phần dân tộc cán bộ NLN. Sử dụng số liệu của Sở Nội vụ tỉnh.

- Chỉ tiêu: Thực trạng số lượng cán bộ NLN làm việc theo nghề nghiệp đào tạo. Điều tra ngẫu nhiên 30 cán bộ NLN đã công tác tối thiểu từ 3 năm trở lên hiện đang công tác tại tỉnh.

- Chỉ tiêu: Mức độ hài lòng của người sử dụng cán bộ NLN. Điều tra 3 nhóm đối tượng:

+ Cán bộ Quản lý Nhà nước: 30 người (n = 30).

+ Cán bộ quản lý các doanh nghiệp nhà nước như các Lâm trường, Trại trại: 30 người.

+ Các hộ nông dân: 30 hộ nông dân.

- Chỉ tiêu: So sánh một số kỹ năng nghề nghiệp của cán bộ NLN tốt nghiệp từ các trường khác nhau. Phỏng vấn trực tiếp cán bộ NLN của tỉnh tốt nghiệp từ 3 trường: ĐH NL Thái Nguyên (n = 30), ĐH Nông nghiệp HN (n= 30), ĐH Lâm nghiệp Xuân Mai (n = 30). Đối tượng phỏng vấn được chọn ngẫu nhiên trong số cán bộ NLN có thời gian công tác tối thiểu là 3 năm trở lên.

3. Kết quả và thảo luận

Tuyên Quang có 5 huyện, 1 thị xã, 137 xã, 3 phường và 5 thị trấn, trong đó có 51 xã và 72 thôn bản nằm trong vùng đặc biệt khó khăn. Nền kinh tế phát triển chủ yếu là nông nghiệp. Vì vậy, Tuyên Quang là tỉnh có số cán bộ tốt nghiệp từ các trường NLN tương đối cao.

Bảng 3.1. Cơ cấu ngành nghề của cán bộ NLN đang làm việc tại tỉnh Tuyên Quang

TT	Chỉ tiêu	Tổng số (người)	Tỉ lệ (%)	Số chia theo giới tính (người)			
				Nam	Tỉ lệ (%)	Nữ	Tỉ lệ (%)
	Tổng số cán bộ đang công tác	659	100,00	460	69.80	199	30.20
1	Ngành trồng trọt	156	23,67	84	12,75	72	10,92
2	Ngành chăn nuôi	11	1,67	4	0,61	7	1,06
3	Thú y	8	1,22	5	0,76	3	0,46
4	Chăn nuôi – Thú y	96	14,57	62	9,41	34	5,16
5	Lâm nghiệp	283	42,95	233	35,36	50	7,59
6	Kinh tế nông nghiệp	81	12,30	55	8,35	26	3,95
7	Kế toán	0	0,00	0	0,00	0	0,00
8	Thủy sản	0	0,00	0	0,00	0	0,00
9	Thủy lợi	0	0,00	0	0,00	0	0,00
10	Khuyến nông	0	0,00	0	0,00	0	0,00
11	Nông lâm kết hợp	15	2,28	12	1,82	3	0,46
12	Công nghệ sau thu hoạch	0	0,00	0	0,00	0	0,00
13	Công nghệ sinh học	0	0,00	0	0,00	0	0,00
14	Bảo vệ thực vật	9	1,37	5	0,76	4	0,61

(Nguồn: Sở Nội vụ tỉnh Tuyên Quang 2007)

Qua kết quả tổng hợp của bảng 3.1 cho thấy, số lượng cán bộ NLN là 659 cán bộ. Trong đó, kỹ sư lâm nghiệp chiếm tỷ lệ lớn nhất 42,94%, điều này cũng phù hợp với điều kiện tự nhiên của Tuyên Quang bởi tỉnh có tới hơn 470.000 ha đất rừng (chiếm 70% diện tích đất của tỉnh) ngành trồng trọt chiếm 23,67%, ngành chăn nuôi thú y và ngành kinh tế nông nghiệp chiếm 14,57% và 12,29%, còn lại là một số ngành khác chiếm một tỷ lệ rất ít trong tỉnh.

Bảng 3.2. Mức độ tham gia vào các vị trí quản lý của cán bộ Nông Lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang

TT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%) so với tổng
1	Cấp tỉnh		
	Chủ tịch tỉnh, phó CT và các chức danh tương đương	3	0,46
	Giám đốc, phó GD sở và các chức danh tương đương	16	2,43
2	Cấp huyện		
	Trưởng phòng, phó phòng và các chức danh tương đương	52	7,89
	Chủ tịch huyện, phó CT và các chức danh tương đương	12	1,82
3	Cấp Xã		
	Trưởng phó các phòng và các chức danh tương đương	39	5,92
3	Cấp Xã		
	Chủ tịch, phó chủ tịch và các chức danh khác	66	10,02
Tổng: 3 cấp		188	28,53

(Nguồn: Sở nội vụ tỉnh Tuyên Quang 2007)

Kết quả tại bảng 3.2 cho thấy với chức danh là chủ tịch, phó chủ tịch tỉnh và các chức danh tương đương có 3 cán bộ tốt nghiệp từ các trường nông lâm nghiệp chiếm 0,46% so với tổng số cán bộ NLN của tỉnh, 16 cán bộ là giám đốc và phó giám đốc chiếm 2,43%, 52 cán bộ giữ chức trưởng phòng, phó trưởng phòng chiếm 7,89%, ngoài ra còn nhiều vị trí quan trọng tại các huyện và xã. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của các trường NLN với tỉnh Tuyên Quang.

Bảng 3.3. Nguồn đào tạo cán bộ Nông lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang

STT	Nơi đào tạo	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đào tạo trong nước	659	
	Đại học nông lâm Thái nguyên	165	25,04
	Đại học Nông nghiệp I Hà nội	382	57,97
	Đại học Lâm nghiệp Xuân Mai		
	Cao đẳng	8	1,21
	Trung cấp	103	15,63
2	Đào tạo ngoài nước	1	0,15

(Nguồn: Sở nội vụ tỉnh Tuyên Quang 2007)

Kết quả tại bảng 3.3 cho thấy trong số 659 cán bộ NLN của tỉnh Tuyên Quang chủ yếu tốt nghiệp từ 3 trường: Trường Đại học NL Thái Nguyên, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Nông nghiệp I HN. Cụ thể, số cán bộ được đào tạo từ trường Đại học NL Thái Nguyên chiếm 25,04%, Đại học Nông nghiệp I HN và trường Đại học Lâm nghiệp chiếm 57,97%, còn lại là tốt nghiệp cao đẳng và trung cấp NLN. Kết quả này cho thấy: Đại học Nông nghiệp I, Đại học NL Thái Nguyên, Đại học Lâm nghiệp là nơi đào tạo chính về nguồn nhân lực NLN cho tỉnh.

Bảng 3.4. Trình độ đào tạo của cán bộ Nông lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Tiến sĩ	1	0,15
2	Thạc sĩ	5	0,76
3	Kỹ sư, cử nhân	542	82,25
4	Cao đẳng	8	1,21
5	Trung cấp	103	15,63
	Tổng số	659	100,00

(Nguồn: Sở nội vụ tỉnh Tuyên Quang 2007)

Bảng 3.4 cho thấy trình độ đào tạo cán bộ NLN tại tỉnh Tuyên Quang có trình độ tiến sĩ và thạc sĩ chiếm tỷ lệ rất nhỏ, chỉ chiếm 0,15% và 0,76%. Trong khi đó trình độ kỹ sư, cử nhân chiếm tỉ lệ cao nhất là 82,25%, cán bộ NLN cấp tỉnh có trình độ trung cấp chiếm tỷ lệ khá cao 15,63%. Như vậy, chúng ta thấy tỷ lệ cán bộ có trình độ kỹ sư, cử nhân lớn là dấu hiệu đáng mừng.

Bảng 3.5. Thành phần dân tộc, đội ngũ cán bộ Nông lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Tổng số	659	100,00
1	Dân tộc thiểu số	221	33,54
2	Dân tộc kinh	438	66,46

(Nguồn: Sở nội vụ tỉnh Tuyên Quang 2007)

Kết quả thống kê tại bảng 3.5 cho thấy cán bộ NLN tại tỉnh có một số lượng lớn là người dân tộc thiểu số. Điều đó cũng cho thấy sự quan tâm chú trọng của tỉnh tới những cán bộ là người dân tộc thiểu số, đây là điều kiện rất thuận lợi trong việc phát triển kinh tế cho đồng bào

dân tộc thiểu số, góp phần không nhỏ trong việc phát triển kinh tế đồng đều tại các địa phương trong tỉnh. Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực này ra sao thì còn là vấn đề cần phải bàn.

Bảng 3.6. Thực trạng số lượng cán bộ làm việc theo nghề nghiệp được đào tạo tại Tuyên Quang

TT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng số điều tra	30	100,00
2	Số cán bộ làm đúng nghề	17	56,67
3	Số cán bộ làm gần đúng nghề	10	33,33
4	Số cán bộ làm trái nghề	3	10,00

Qua bảng 3.6 cho thấy tình trạng cán bộ NLN làm đúng nghề chỉ chiếm hơn một nửa 56,67%. Một lượng lớn cán bộ NLN của tỉnh làm gần đúng hoặc làm trái nghề: Số làm gần đúng nghề chiếm 33,33%, tốt nghiệp ngành trồng trọt, chăn nuôi ra làm cán bộ khuyến nông; số cán bộ làm trái nghề chiếm 10%, tốt nghiệp ngành chăn nuôi thú y, kinh tế nông nghiệp làm tại Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Tuyên Quang,... Thực trạng này cho thấy chúng ta đã để lãng phí một lượng lớn cán bộ có trình độ chuyên môn. Nguyên nhân này là do các trường thiếu thông tin về nhu cầu của các nhà tuyển dụng, mặt khác do vấn đề mất cân đối ngành nghề tại các trường [8].

Bảng 3.7. Mức độ hài lòng của người sử dụng đối với cán bộ NLN tốt nghiệp tại Trường Đại học NL

TT	Đối tượng thăm dò	Mức độ đánh giá (%)			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Khối cơ quan quản lý nhà nước (n= 30)	0,00	80,00	20,00	0,00
2	Khối các nông lâm trường, trạm trại, doanh nghiệp (n = 30)	0,00	73,33	26,67	0,00
3	Nông dân (n = 30)	77,14	22,86	0,00	0,00

Qua kết quả điều tra tại bảng 3.7, sự đánh giá của chính những nhà quản lý các cán bộ NLN tại các cơ quan quản lý nhà nước, khối nông lâm trường, doanh nghiệp ở mức khá chiếm 73,33 – 80,00%, mức trung bình chiếm 20,00 – 26,67%. Điều đó nói lên sự thiếu về kiến thức thực tế, kỹ năng của các cán bộ NLN tốt nghiệp từ trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

Người nông dân đánh giá cán bộ NLN ở mức tốt chiếm tỷ lệ rất cao (77,14%), nhưng thực tế điều tra cho thấy người dân chỉ hài lòng với cách phục vụ nhiệt tình của cán bộ NLN, nhưng họ cũng phản ánh một thực tế là cán bộ của ta thiếu nhiều kiến thức thực tế.

Bảng 3.8. So sánh một số kỹ năng nghề nghiệp của cán bộ tốt nghiệp ở các trường NLN công tác tại Tuyên Quang

TT	Trường	Mức độ đánh giá (%)			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	SV tốt nghiệp tại ĐHNL TN (n= 30)				
	Kiến thức lý thuyết	21,05	78,95	0,00	0,00
	Tay nghề/kỹ năng làm việc	21,05	78,95	0,00	0,00
	Hành vi thái độ	94,74	5,26	0,00	0,00
2	SV tốt nghiệp tại ĐHNN HN (n= 30)				
	Kiến thức lý thuyết	28,57	71,43	0,00	0,00
	Tay nghề/kỹ năng làm việc	14,29	85,71	0,00	0,00
	Hành vi thái độ	100,00	0,00	0,00	0,00
3	SV tốt nghiệp tại ĐHLN (n= 30)				
	Kiến thức lý thuyết	15,10	84,90	0,00	0,00
	Tay nghề/kỹ năng làm việc	16,15	73,85	0,00	0,00
	Hành vi thái độ	100,00	0,00	0,00	0,00

Qua kết quả điều tra tại bảng 3.8 ta thấy về kiến thức lý thuyết thì trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội có tỷ lệ cao hơn (28,57%) so với trường NL Thái Nguyên và trường Đại học Lâm nghiệp. Còn về tay nghề và kỹ năng làm việc thì trường Đại học NL Thái Nguyên lại có tỷ lệ chiếm cao hơn so với 2 trường còn lại.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu thấy rằng, số lượng cán bộ NLN đang làm việc ở Tuyên Quang hiện nay là 659 cán bộ, trong đó kỹ sư lâm nghiệp chiếm tỷ lệ lớn nhất, 42,94%. Nghiên cứu về vị trí làm việc của sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học NLN thấy rằng với chức danh là chủ tịch, phó chủ tịch tỉnh và các chức danh tương đương có 3 cán bộ tốt nghiệp từ các trường NLN chiếm 0,46%, 16 cán bộ là giám đốc và phó giám đốc chiếm 2,43%, 52 cán bộ giữ chức trưởng phòng, phó trưởng phòng chiếm 7,89%, ngoài ra còn nhiều vị trí quan trọng tại các huyện và xã. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của các trường NLN với tỉnh Tuyên Quang.

Qua kết quả điều tra cho thấy trình độ đào tạo cán bộ NLN tại tỉnh Tuyên Quang có trình độ tiến sĩ và thạc sĩ chiếm tỷ lệ rất nhỏ, chỉ chiếm 0,15% và 0,76%. Tình trạng cán bộ NLN làm đúng nghề chỉ chiếm hơn một nửa 56,67%. Một số lượng lớn cán bộ NLN của tỉnh làm gần đúng với nghề và làm trái nghề: Số làm gần đúng nghề chiếm 33,33%, như tốt nghiệp ngành trồng trọt, chăn nuôi ra làm cán bộ khuyến nông; số cán bộ làm trái nghề chiếm 10%.

Đánh giá năng lực cán bộ tốt nghiệp từ trường Đại học NL Thái Nguyên thấy rằng các cán bộ NLN tại các cơ quan quản lý nhà nước, khối nông lâm trường, doanh nghiệp ở mức khá chiếm 73,33 – 80,00%, mức trung bình chiếm 20,00 – 26,67%. Người dân đánh giá cán bộ NLN ở mức tốt chiếm tỷ lệ rất cao (77,14%) nhưng thực tế điều tra cho thấy người dân chỉ hài lòng với cách phục vụ nhiệt tình của cán bộ NLN, nhưng họ cũng phản ánh là các cán bộ thiếu nhiều kiến thức thực tế. Kết quả điều tra cho thấy, về kiến thức lý thuyết thì trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội có tỷ lệ cao hơn (28,57%) so với trường NL Thái Nguyên và trường Đại học Lâm nghiệp. Còn về tay nghề/ kỹ năng làm việc thì trường Đại học NL Thái Nguyên lại có tỷ lệ chiếm cao hơn.

4.2. Kiến nghị

Về phương pháp đào tạo: Thường xuyên kiểm tra, giám sát, uốn nắn việc học tập của sinh viên ngay từ khi vào trường học đến khi ra trường, tăng mức độ tham gia học tập và nghiên cứu của sinh viên để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo; đào tạo, rèn luyện đạo đức làm người của sinh viên gắn với việc học tập nghiêm túc, chất lượng, chống tiêu cực “học giả bằng thật”.

Về chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo cần tăng thêm về đào tạo kiến thức thực tế, tăng thời gian và chất lượng rèn nghề vì đây là đầu mối chính cung cấp cán bộ kỹ thuật cho cơ sở. Đối với các môn học trong chương trình đào tạo cần tăng cường, nâng cao kiến thức môn cơ sở. Rút bớt một số môn học không thực tế, không sử dụng khi ra trường. Ngoài ra, cần tăng cường cho sinh viên được tiếp xúc với các cơ sở sản xuất, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tăng tính độc lập trong nghiên cứu khoa học. Có thể mở thêm những ngành học mới mà xã hội đang cần ☐

Tóm tắt

Kết quả nghiên cứu thấy rằng, số lượng cán bộ nông lâm nghiệp đang làm việc ở tỉnh Tuyên Quang hiện nay là 659 cán bộ, trong đó kỹ sư lâm nghiệp chiếm tỷ lệ lớn nhất 42,94%.

Số cán bộ nông lâm nghiệp giữa vị trí quan trọng của tỉnh chiếm 0,46%. Số cán bộ có trình độ tiến sĩ và thạc sĩ chiếm tỷ lệ rất nhỏ, (0,15% và 0,76%). Tình trạng cán bộ nông lâm nghiệp làm đúng nghề chỉ chiếm hơn một nửa 56,67%. Đánh giá năng lực cán bộ tốt nghiệp từ trường đại học nông lâm Thái Nguyên thấy rằng các cán bộ nông lâm nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước, khối nông lâm trường, doanh nghiệp ở mức khá chiếm 73,33 – 80,00%, mức trung bình chiếm 20,00 – 26,67%. Bên cạnh đó, người nông dân đánh giá cán bộ Nông nghiệp ở mức tốt chiếm tỷ lệ rất cao (77,14%). Qua kết quả điều tra thấy về kiến thức lý thuyết thì trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội có tỷ lệ cao hơn (28,57%) so với trường Nông Lâm Thái Nguyên và trường Đại học Lâm nghiệp. Còn về tay nghề/kỹ năng làm việc thì trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên lại có tỷ lệ chiếm cao hơn. Rất cần thiết phải thay đổi lại nội dung và phương pháp đào tạo.

Summary

Human resource plays very important role in social economic development. The result of study conducted in Tuyen Quang on current situation of human resource graduated from agriculture university shown that there are about 659 official staff working in government, privated office, in which agriculture staff account account for 42,93%. About 0,46% of whom sitting in high position such as chairman, vice chairman of provincial people committee and only 0,15% and 0.765 are PhD and MsC, respectively. There are about 56,67% working in the field that they educated from universities. Both managers and farmer sastisfy with the staff at about 75%. Theory knowledge of whom graduated from Hanoi university of agriculture are better than people did in thai Nguyen university, in contrast, practical knowledge of people graduated from Thai Nguyen university of agriculture and forestry are better than whom graduated from Ha Noi university of agriculture.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Phạm Minh Hạc, (2001), Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà Nội 2001.
- [2]. Tô Thiện Hiền, (2004). *Điều tra nhu cầu nhân lực ngành nghề trong Nông nghiệp ở An Giang*, Đề tài NCKH cấp trường. Đại học An Giang 2004
- [3]. Đặng Kim Sơn, (2001). Công nghiệp hoá từ nông thôn. Nxb Nông nghiệp. Hà Nội 2001.
- [4]. Bộ Nông nghiệp và PPTN, 2001, Một số chủ trương chính sách mới về nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, thuỷ lợi và phát triển nông thôn. Nxb Nông nghiệp. Hà Nội 2001.
- [5]. Bộ GD&ĐT, (2002), *Báo cáo tổng kết công tác học sinh sinh viên giai đoạn 1998-2002*.
- [6]. Bộ GD&ĐT, (2005), *Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010*.
- [7]. Đại học Huế, (2004), *Báo cáo tổng kết công tác tư vấn việc làm sinh viên Đại học Huế*.
- [8]. Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên, (2006), Báo cáo kết quả điều tra công giới đào tạo theo nhu cầu xã hội.
- [9]. Nolwen Henaff, Jean-Yves Martin, (2003). Lao động, việc làm và nguồn nhân lực ở Việt Nam 15 năm đổi mới. Nxb thế giới 2003.
- [10]. Niên giám thống kê tỉnh Tuyên Quang (2006).